

**TRƯỜNG THCS LONG BIÊN
TỔ XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2021-2022
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6**

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Học sinh nắm được kiến thức bài: Lịch sử và cuộc sống; Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử; Thời gian trong lịch sử; Nguồn gốc loài người; Xã hội nguyên thủy.
- HS hiểu được khái niệm lịch sử, các nguồn tư liệu lịch sử, cách tính các mốc thời gian trong lịch sử; Nêu được dấu tích, quá trình phát triển và tan rã của người nguyên thủy.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng nêu và đánh giá vấn đề, so sánh...
- + So sánh được sự khác nhau giữa người tối cổ và người Tinh khôn
- + Giải thích được sự tan rã của xã hội nguyên thủy.

3. Thái độ:

- Tôn trọng quá khứ, có ý thức bảo vệ các di sản của thế hệ đi trước để lại.
- Tôn trọng kỉ vật của gia đình. Có thái độ đúng đắn khi tham quan di tích lịch sử, bảo tàng.
- Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong việc làm đề cương, làm các bài tập lịch sử.

II. PHẠM VI ÔN TẬP:

1. Bài 1: Lịch sử và cuộc sống
2. Bài 2: Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử
3. Bài 3: Thời gian trong lịch sử
4. Bài 4: Nguồn gốc loài người
5. Bài 5. Xã hội nguyên thủy

III. NỘI DUNG ÔN TẬP:

*** Một số câu hỏi minh họa**

Phần I: Trắc nghiệm:

Câu 1. Lịch sử là

- A. tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ.
- B. những bản ghi chép hay tranh, ảnh còn được lưu giữ lại.
- C. những truyện cổ tích được truyền miệng.
- D. sự tưởng tượng của con người về quá khứ của mình.

Câu 2. Ý nào dưới đây *không* phản ánh đúng ý nghĩa của việc học lịch sử?

- A. Học lịch sử để biết về nguồn cội của bản thân, gia đình, dòng họ và dân tộc.
- B. Học lịch sử để biết được quá trình tiến hóa của muôn loài.
- C. Học lịch sử để biết quá trình hình thành và phát triển của mỗi ngành, lĩnh vực.
- D. Học lịch sử để đúc kết được những bài học kinh nghiệm của quá khứ phục vụ cho hiện tại và tương lai.

Câu 3. Tư liệu chữ viết là

- A. những hình khắc trên bia đá.
- B. những bản ghi; sách được in, khắc bằng chữ viết, vở chép tay...
- C. những hình vẽ trên vách đá.
- D. những câu truyện cổ tích.

Câu 4. Văn bia tiến sĩ đặt ở Văn Miếu Quốc Tử Giám thuộc nguồn tư liệu nào?

- A. Tư liệu hiện vật.
- B. Tư liệu chữ viết.
- C. Tư liệu truyền miệng.
- D. Vừa là tư liệu chữ viết vừa là tư liệu hiện vật.

Câu 5. Cung đình Huế được xếp vào loại hình tư liệu nào?

- A. Tư liệu truyền miệng.
- B. Tư liệu chữ viết.
- C. Tư liệu hiện vật.
- D. Không được coi là tư liệu lịch sử.

Câu 6. Truyện “Thánh Gióng” thuộc nguồn tư liệu nào?

- A. Truyền miệng.
- B. Hiện vật.
- C. Chữ viết.
- D. Không thuộc các tư liệu trên.

Câu 7. Tư liệu hiện vật bao gồm những loại nào?

- A. Những đồ vật, những di tích của người xưa còn được lưu giữ lại từ đời này sang đời khác.
- B. Những đồ vật, những di tích của người xưa còn được lưu giữ lại trong lòng đất.
- C. Những đồ vật, những di tích của người xưa còn được lưu giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất.
- D. Những đồ vật của người xưa còn được lưu giữ lại trong lòng đất.

Câu 8. Năm 111 TCN nhà Hán chiếm Âu Lạc cách năm 2016 bao nhiêu năm?

- A. 2124 năm
- B. 2125 năm
- C. 2126 năm
- D. 2127 năm

Câu 9. Một năm có 365 ngày, còn năm nhuận là bao nhiêu ngày?

- A. 265 ngày
- B. 365 ngày
- C. 366 ngày
- D. 385 ngày

Câu 10. Cách tính thời gian theo sự di chuyển của Mặt Trời gọi là

- A. âm lịch
- B. nông lịch
- C. dương lịch
- D. phật lịch

Câu 11. Năm 179 TCN cách ngày nay (năm 2021) bao nhiêu năm?

- A. 1839 năm
- B. 1840 năm
- C. 2195 năm
- D. 2200 năm

Câu 12. Một thập kỷ gồm bao nhiêu năm?

- A. 10 năm
- B. 100 năm
- C. 1000 năm
- D. 2000 năm

Câu 13. Năm 542 khởi nghĩa Lý Bí cách năm 2021 là bao nhiêu năm?

- A. 1479
- B. 1480
- C. 1481
- D. 1482

Câu 14. Quá trình tiến hóa của loài người diễn ra như thế nào?

- A. Người tối cổ - Người cổ - Người tinh khôn.
- B. Vượn - Tinh Tinh - Người tinh khôn.

C. Vượn người - Người tối cổ - Người tinh khôn.

D. Vượn cổ - Người tối cổ - Người tinh khôn.

Câu 15. Con người có nguồn gốc từ đâu?

A. Vượn người

C. Con trâu

B. Con lợn

D. Con gà

Câu 16. Người Tối cổ xuất hiện cách ngày nay khoảng bao nhiêu năm?

A. Khoảng 1 triệu năm trước

C. Khoảng 3 triệu năm trước

B. Khoảng 2 triệu năm trước

D. Khoảng 4 triệu năm trước

Câu 17. Ý nào dưới đây phản ánh đúng cuộc sống của người tối cổ?

A. Định cư tại một nơi

C. Bập bênh, “ăn lông ở lỗ”

B. Đời sống ổn định

D. Du mục đi khắp nơi

Câu 18. Vì sao xã hội nguyên thủy tan rã?

A. Năng suất lao động tăng.

B. Xã hội phân hoá giàu nghèo.

C. Công cụ sản xuất bằng kim loại xuất hiện.

D. Có sản phẩm thừa.

Câu 19. Vượn cổ chuyển hóa thành người thông qua quá trình

A. tìm kiếm thức ăn

B. chế tạo ra cung tên

C. tạo ra lửa

D. lao động, chế tạo và sử dụng công cụ lao động

Câu 20. Vì sao lao động đóng vai trò quan trọng trong xã hội nguyên thủy?

A. Tạo ra thức ăn ngon cho người nguyên thủy

B. Giúp người nguyên thủy tiến hóa chậm về hình dáng

C. Giúp đời sống tinh thần của người nguyên thủy phong phú hơn

D. Làm cho loài Vượn người tiến hóa dần thành người tối cổ, người tinh khôn đồng thời nó thúc đẩy xã hội loài người phát triển tiến bộ hơn.

Phần II- Tự luận

Câu 1: Vì sao phải học lịch sử?

Câu 2: Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử?

Câu 3: Vì sao chúng ta phải xác định thời gian trong lịch sử?

Câu 4: Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy?

Long Biên, ngày 16 tháng 10 năm 2021

Người lập đề cương

NHÓM TRƯỞNG

**KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Vũ Thị Giang

Vũ Thị Hồng Tính

Cao Thị Phương Anh

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Học sinh nắm được kiến thức chương I (Bản đồ - phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất) và chương II (Trái Đất – hành tinh của hệ mặt trời), cụ thể:
- + Học sinh hiểu được khái niệm các khai niệm kinh tuyến, vĩ tuyến, biết một số lưới kinh, vĩ tuyến.
- + Học sinh biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt trời và ý nghĩa của nó đối với sự sống trên Trái Đất
- + Học sinh biết được đặc điểm chuyển động tự quay quanh trục của Trái đất và chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời cũng như các hệ quả sinh ra bởi các vận động đó.

2. Kỹ năng: Học sinh vận dụng được các kiến thức đã học vào bài làm:

- + Xác định được tọa độ địa lí của một điểm trên bản đồ
- + Tính được khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ
- + Xác định được phương hướng trên bản đồ; biết tìm đường đi trên bản đồ giấy
- + Tính được giờ địa phương khi biết giờ quốc tế
- + Giải thích được hiện tượng ngày – đêm, hiện tượng vật thể bị lệch hướng, hiện tượng các mùa trong năm, hiện tượng ngày đêm dài, ngắn theo mùa,...

3. Thái độ:

- Yêu thích môn học
- Say mê tìm tòi khám phá các hiện tượng Địa lí, mối liên hệ giữa Địa lí với cuộc sống nhằm kết nối tri thức Địa lí với cuộc sống

II. PHẠM VI ÔN TẬP:

Bài 1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí

Bài 2: Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến. phương hướng trên bản đồ

Bài 3: Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ

Bài 4: Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ. Tìm đường đi trên bản đồ

Bài 6: Trái Đất trong hệ Mặt Trời

Bài 7: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả

Bài 8: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả

III. NỘI DUNG ÔN TẬP:

1. Trắc nghiệm

Câu 1: Trong hệ Mặt Trời, theo thứ tự xa dần Mặt Trời thì Trái Đất nằm ở vị trí thứ

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 2: Trái đất có dạng

- A. hình cầu B. hình tròn
C. hình vuông D. hình elíp

Câu 3: Đâu không phải là hệ quả của sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất?

- A. Ngày đêm luân phiên C. Mùa trên Trái Đất
B. Giờ trên Trái Đất D. Sự lệch hướng chuyển động của vật thể

Câu 4: Trái Đất vận động tự quay quanh trục theo hướng

- A. từ Đông sang Tây C. từ Nam lên Bắc
B. từ Bắc xuống Nam D. từ Tây sang Đông

Câu 5: Bán kính của Trái Đất là

- A. 40 076 km. B. 6378 km. C. 510 triệu km. D. 149,6 triệu km.

Câu 6: Vị trí của điểm M được xác định là chỗ cắt nhau của đường kinh tuyến 120°Đ và vĩ tuyến 10°B thì tọa độ địa lí của điểm M là

- A. M (10°B , 120°Đ). C. M (10°B , 120°).
B. M (10°N , 120°Đ). D. M (120°T , 10°B).

Câu 7: Thông thường trên bản đồ, để thể hiện ranh giới giữa các quốc gia, người ta dùng

- A. kí hiệu điểm. C. kí hiệu đường.
B. kí hiệu diện tích. D. kí hiệu hình học.

Câu 8: Ý nào sau đây không đúng theo quy ước phương hướng trên bản đồ?

- A. Đầu phía trên của kinh tuyến chỉ hướng bắc.
B. Đầu phía dưới kinh tuyến chỉ hướng nam.
C. Đầu bên phải của vĩ tuyến chỉ hướng đông.
D. Đầu bên phải của vĩ tuyến chỉ hướng tây.

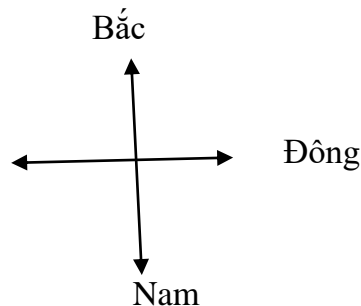
Câu 9: Khi khu vực giờ kinh tuyến số 0 là 1 giờ thì ở Thủ đô Hà Nội là

- A. 6 giờ B. 7 giờ C. 8 giờ D. 9 giờ

Câu 10: Một địa điểm N nằm trên xích đạo và có kinh độ là 60°T . Cách viết tọa độ địa lí của điểm đó là

- A. N (0° , 60°T). C. N (60°T , 0°).
B. N (60°B , 60°T). D. N (60°T , 60°B).

Câu 11: Hướng còn lại trên hình vẽ dưới đây là hướng



- A. Tây. B. Tây Bắc. C. Đông Nam D. Tây Nam.

Câu 12: Khi khu vực giờ gốc là 12 giờ thì nước ta là

- A. 7 giờ B. 10 giờ C. 12 giờ D. 19 giờ

Câu 13: Trái Đất được chia thành 24 khu vực giờ, mỗi khu vực giờ nếu đi về phía Tây sẽ

- A. nhanh hơn 1 giờ. B. chậm hơn 1 giờ.
C. không thay đổi giờ D. tăng thêm 1 ngày

Câu 14: Hai bản đồ có tỉ lệ lần lượt là 1: 300 000 và 1: 600 000 bản đồ nào sẽ có mức độ hiển thị chi tiết địa chỉ đối tượng, rõ ràng hơn?

- A. Bản đồ tỉ lệ 1: 300.000
- B. Bản đồ tỉ lệ 1: 600.000
- C. Hai bản đồ thể hiện chi tiết như nhau
- D. Không thể kết luận bản đồ nào chi tiết hơn

Câu 15: Khoảng cách trên bản đồ giữa 2 địa điểm là 4cm, biết tỉ lệ bản đồ là 1: 2000 000, vậy khoảng cách thực tế giữa 2 địa điểm đó là

- A. 8000 km
- B. 800 km
- C. 80 km
- D. 8 km

Câu 16: Ranh giới giữa bán cầu Đông và bán cầu Tây là đường

- A. kinh tuyến 0 độ và 181 độ
- B. kinh tuyến 180 độ và 0 độ
- C. kinh tuyến 1 độ và 180 độ
- D. kinh tuyến 1 độ và 181 độ

Câu 17: Hành tinh gần Mặt trời nhất là

- A. Trái Đất
- B. Hỏa Tinh
- C. Hải Vương Tinh
- D. Thủy tinh

Câu 18: Nơi trên Trái Đất không có sự vận động tự quay quanh trục là

- A. cực Bắc
- B. cực Nam
- C. xích đạo
- D. 2 cực

Câu 19: Nguyên nhân sinh ra hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau là do

- A. Trái Đất hình cầu
- B. Trái Đất tự quay quanh trục
- C. Trái đất hình cầu và tự quay quanh trục
- D. trục Trái Đất nghiêng khi chuyển động

Câu 20: Trái Đất tự quay quanh trục theo chiều

- A. cùng chiều kim đồng hồ (Đông sang Tây)
- B. ngược chiều kim đồng hồ (Tây sang Đông)
- C. cùng chiều kim đồng hồ (Tây sang đông)
- D. ngược chiều kim đồng hồ (Đông sang Tây)

Câu 21: Do ảnh hưởng của lực Côriôlit, các vật thể chuyển động ở bán cầu Nam sẽ bị lệch về

- A. bên trên so với hướng di chuyển ban đầu
- B. bên phải so với hướng di chuyển ban đầu
- C. bên dưới so với hướng di chuyển ban đầu
- D. bên trái so với hướng di chuyển ban đầu

Câu 22: Một địa điểm cách về phía Đông của Việt Nam 2 múi giờ đang là 16 giờ, ngày 10/9. Hỏi ở Việt Nam lúc đó là mấy giờ? Ngày mấy?

- A. 7 giờ, ngày 10/9
- B. 12 giờ, ngày 10/9
- C. 14 giờ ngày 10/9
- D. 18 giờ, ngày 10/9

Câu 23: Tỉ lệ bản đồ

- A. là khoảng cách tính bằng tỉ số
- B. là thước đo độ dài giữa các đối tượng địa lí.
- C. cho biết mức độ thu nhỏ độ dài giữa các đối tượng trên bản đồ so với thực tế là bao nhiêu.
- D. cho biết mức độ thu nhỏ diện tích của các đối tượng địa lí trên bản đồ so với thực tế

Câu 24: Đặc điểm nào sau đây không đúng về chuyển động của trái đất quanh mặt trời?

- A. Hướng quay từ tây sang đông
- B. Thời gian quay hết một vòng là 365 ngày 6 giờ

C. Quỹ đạo chuyển động là hình cầu

D. Trong khi quay, trục trái đất luôn giữ hướng nghiêng không đổi

Câu 25: Vào ngày nào trong năm ở cả hai nửa cầu đều nhận được một lượng ánh sáng và nhiệt như nhau?

A. Ngày 22 tháng 6 và ngày 22 tháng 12.

B. Ngày 21 tháng 3 và ngày 23 tháng 9.

C. Ngày 22 tháng 3 và ngày 22 tháng 9.

D. Ngày 21 tháng 6 và ngày 23 tháng 12.

Câu 26: Vào ngày nào ở nửa cầu Nam ánh sáng Mặt Trời chiếu thẳng góc vào vĩ tuyến 23°27' Nam?

A. Ngày 21 tháng 3

B. Ngày 23 tháng 9

C. Ngày 22 tháng 12

D. Ngày 22 tháng 6

Câu 27: Theo quy ước, cách mấy năm sẽ có một năm nhuận dương lịch?

A. 1 năm

B. 2 năm

C. 3 năm

D. 4 năm

Câu 28: Thời gian Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời một vòng là

A. 365 ngày 3 giờ.

B. 365 ngày 4 giờ.

C. 365 ngày 5 giờ.

D. 365 ngày 6 giờ.

Câu 29: Trái Đất hướng cả hai nửa cầu Bắc và Nam về phía Mặt Trời như nhau vào các ngày nào?

A. 21 - 3 và 22 - 6.

B. 22 - 6 và 22 - 12.

C. 21 - 3 và 23 - 9.

D. 23 - 9 và 22 - 12.

Câu 30: Vào các ngày 21-3 (xuân phân) và 23 - 9 (thu phân), ánh sáng mặt trời chiếu thẳng góc vào

A. vòng cực.

B. chí tuyến Bắc.

C. chí tuyến Nam.

D. xích đạo.

2. Tự luận

Câu 31: Dựa vào kiến thức đã học về sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời hãy giải thích câu tục ngữ:

Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng

Ngày tháng mười chưa cười đã tối

Câu 32: Tại sao gió Tín phong ở bán cầu Bắc thổi từ vùng áp cao cận chí tuyến về áp thấp xích đạo không theo hướng bắc – nam mà lại theo hướng đông bắc?

Câu 33: Trình bày đặc điểm sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất và hiện tượng ngày đêm?

Câu 34: Trình bày đặc điểm chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất và hiện tượng các mùa trong năm?

Long Biên, ngày 16 tháng 10 năm 2021

Người lập đề cương

NHÓM TRƯỞNG

KT HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Phạm Thị Hương

Phạm Thị Hương

Cao Thị Phương Anh

